

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29-7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Phương;

2. Bà Lê Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị DTQ, sinh năm 2000; nơi ĐKNKTT: Số 2/82 đường A, phường B (nay là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số 26/54 E, phường F, quận G, thành phố Hải Phòng (nay là Số 26/54 E, phường F, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

- Bị đơn: Anh BHMT, sinh năm 1996; nơi ĐKHKT: Số 2/82 đường A, phường B (nay là phường C), quận D, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án tại Đội 30 phân trại số 2 Trại giam Xuân Nguyên - Bộ công an; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị DTQ trình bày:

Chị DTQ và anh BHMT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (nay là phường D), thành phố Hải

Phòng vào ngày 29/5/2019. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau trong quan điểm, lối sống, tính cách. Mặc dù đã được gia đình hai bên động viên, bạn bè hòa giải nhưng không có kết quả. Năm 2023 anh BHMT có hành vi vi phạm pháp luật và bị xét xử, hiện đang chấp hành án tại trại giam Xuân Nguyên – Bộ Công an, từ đó vợ chồng ngày càng xa cách, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, chị DTQ đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh BHMT.

- Về con chung: Chị DTQ và anh BHMT có hai con chung là cháu H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2019 và I, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2023. Ly hôn chị DTQ đề nghị Toà án giao cả hai con cho chị được nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh BHMT tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị DTQ và anh BHMT tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn là anh BHMT:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng đã lấy được lời khai của anh BHMT hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên – Bộ Công an, thể hiện: Anh BHMT thống nhất với chị DTQ về việc đăng ký kết hôn, quá trình chung sống và xác nhận vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng. Nay, chị DTQ có đơn xin ly hôn với anh, quan điểm của anh là đồng ý.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2019 và I, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2023. Ly hôn, anh đề nghị Toà án giao cả hai con cho chị DTQ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau này chấp hành án xong, có điều kiện anh sẽ yêu cầu thay đổi quyền nuôi con sau.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh BHMT và chị DTQ tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị DTQ, xử chị DTQ được ly hôn anh BHMT. Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2019 và I, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2023; đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho chị DTQ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Bị đơn là anh BHMT có đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng tại phường D, thành phố Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị DTQ và anh BHMT kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B (nay là phường D, thành phố Hải Phòng) vào ngày 29/5/2019 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, hiện tại anh BHMT đang chấp hành án nên vợ chồng càng xa cách, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh BHMT cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng đồng ý ly hôn. Chị DTQ vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh BHMT. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị DTQ và anh BHMT đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xử cho chị DTQ được ly hôn anh BHMT là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị DTQ và anh BHMT có hai con chung là cháu H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2019 và I, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2023. Ly hôn, chị DTQ đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh

BHMT có quan điểm đồng ý với ý kiến của chị DTQ. Xét nguyện vọng và quan điểm trên của các đương sự là phù hợp, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị DTQ và anh BHMT tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị DTQ và anh BHMT tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị DTQ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị DTQ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị DTQ được ly hôn anh BHMT.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu H, sinh ngày 13 tháng 8 năm 2019 và I, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2023 cho chị DTQ được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị DTQ và anh BHMT tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị DTQ và anh BHMT tự thoả thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị DTQ phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai số 0002669 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận D, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3- Hải Phòng; chị đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm).

6. Về quyền kháng cáo: Chị DTQ và anh BHMT (vắng mặt) tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 3 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 3- Hải Phòng;
- UBND phường D, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quỳnh Như